

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 142/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2020

V/v ly hôn giữa ông N và bà H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân

2. Bà Trần Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh :

Bà Dương Thị Thùy Linh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 593/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Lan H

Địa chỉ: Số X, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

Bị đơn: Ông Lâm Hoàng N

Địa chỉ: Số Y, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Thành phố Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là Bà Bùi Lan H trình bày:

Bà Bùi Lan H và ông Lâm Hoàng N có đăng ký kết hôn năm 1988 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Tây, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/1988).

Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, do ông N ham chơi không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không hòa hợp, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã ly thân từ năm 2015 đến

nay, thời gian sống ly thân đã lâu và các con đều đã trưởng thành nên bà Bùi Lan H yêu cầu ly hôn ông Lâm Hoàng N để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lâm Hoàng Yến T, sinh năm 1990; Lâm Hoàng Minh H1, sinh năm 1994, tất cả đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lâm Hoàng N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông N nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do.

Ngoài ra tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không có thỏa thuận gì khác để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu quan điểm: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm: Phiên tòa được mở đúng thời gian, địa điểm, Hội đồng xét xử đúng thành phần. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè nhận định:

[1] Xác định tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Tây, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/8/1988 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Lan H và ông Lâm Hoàng N là hợp pháp. Bà Bùi Lan H xin ly hôn ông Lâm Hoàng N. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo kết quả xác minh từ Công an xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/2/2020 thì ông Lâm Hoàng N, sinh năm: 1961 có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại số Y, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Lâm Hoàng N mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa

nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lâm Hoàng N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Bùi Lan H và ông Lâm Hoàng N là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do ông N ham chơi không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cả hai đã cố gắng nhưng vẫn không hòa hợp, không có tiếng nói chung, cả hai đã sống ly thân từ năm 2015. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Theo Kết quả xác minh của Hội phụ nữ xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thì trong quá trình chung sống tại địa chỉ số Y, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Thành phố Chí Minh, bà Bùi Lan H và ông Lâm Hoàng N không thấy xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng phải giải quyết tại địa pH.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng đề tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với bà H cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên ông N vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà H là hoàn toàn có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Bùi Lan H đối với ông Lâm Hoàng N .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lâm Hoàng Yến T, sinh năm 1990; Lâm Hoàng Minh H1, sinh năm 1994, tất cả đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, buộc nguyên đơn là bà Bùi Lan H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

Về hình thức: Xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm Hoàng N.

Về nội dung:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Lan H và ông Lâm Hoàng N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lâm Hoàng Yến T, sinh năm 1990; Lâm Hoàng Minh H1, sinh năm 1994, tất cả đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà H khai không có.

2. Án phí:

Bà Bùi Lan H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Bùi Lan H đã nộp theo biên lai số 0034752 ngày 20/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Bùi Lan H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lâm Hoàng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- CCTHADS huyện Nhà Bè;
- UBND phường Tân Thuận Tây, quận 7,
Tp Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Ngọc Diệp